

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2019/HSST
Ngày 05/11/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dung, ông Quảng Văn Pậu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Mai Chi, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Diệu Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2019/HSST ngày 22/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/HSST-QĐ ngày 25/10/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị X, sinh ngày 20/7/1960 tại tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký thường trú: Tổ 6, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: cán bộ hưu; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 91- QĐ/UBKTTU ngày 22/10/2019 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy Sơn La; con ông Nguyễn Văn T và bà Nghiêm Thị X; bị cáo có chồng là Nguyễn Nhật T (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/7/2019 đến nay. Có mặt.

Bị hại: Anh Lò Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 6 năm 2014, Nguyễn Thị X gặp anh Điều Văn M, trú tại bản G, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; biết anh M có em họ là Lò Văn T, trú tại bản X, xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La là chiến sỹ phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an tỉnh Sơn La, mới có quyết định xuất ngũ hiện có nguyện vọng muốn tuyển dụng vào làm việc tại Công an tỉnh Sơn La. Nguyễn Thị X đã đưa ra thông tin giả là có người quen sẽ xin được cho anh Lò Văn T vào làm việc tại Công an tỉnh Sơn La vào đợt 2 của năm 2014 với số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Sau khi nghe thông tin Nguyễn Thị X đưa ra, anh M hẹn Nguyễn Thị X sẽ đưa anh T đến nhà Nguyễn Thị X để nói chuyện. Ngày 29/6/2014, anh T cùng anh M đến nhà ở của Nguyễn Thị X tại tổ 6, phường Q, thành phố S, đưa cho Nguyễn Thị X 300.000.000 đồng cùng Quyết định xuất ngũ của anh T (có giấy vay tiền ghi nhận số tiền để xin việc cho T tại Công an tỉnh Sơn La vào đợt 2 năm 2014). Đến hết năm 2014, không thấy có quyết định tuyển dụng nên anh T nhiều lần yêu cầu X trả lại số tiền 300.000.000 đồng. Tháng 9 năm 2016, Nguyễn Thị X trả lại cho anh T 21.000.000 đồng. Năm 2017, 2018, anh T nhiều lần ra thành phố S tìm thì X trả thêm được 51.500.000 đồng, tổng số tiền đã trả lại được là 72.500.000 đồng (Bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền còn lại do đã dùng số tiền để tiêu cá nhân và kinh doanh đa cấp nên Nguyễn Thị X không còn khả năng trả lại cho anh T. Ngày 15/5/2019, anh T có đơn tố cáo hành vi của X và đề nghị buộc trả lại số tiền 227.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Anh T đã giao nộp Giấy vay tiền ngày 29/6/2014, giấy hẹn trả tiền ngày 25/7/2015, giấy hẹn trả tiền ngày 10/10/2015.

Ngày 06/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La đã quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định chữ viết và chữ ký. Tại Kết luận giám định số 1199 ngày 28/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị X trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị X trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị X trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký ra.

Bản cáo trạng số 130/CT-VKS ngày 22/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La truy tố Nguyễn Thị X về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử :

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm

1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X từ 07 năm đến 08 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc Nguyễn Thị X bồi thường cho anh Lò Văn T số tiền 227.500.000 đồng.

3. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại đề nghị xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo và yêu cầu bồi thường số tiền 227.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quá trình tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sơn La, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị X khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La. Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn tố cáo, lời khai của bị hại và các đối tượng liên quan; phù hợp với các giấy vay tiền, giấy hẹn trả tiền đã thu giữ có ghi nội dung nhận tiền để xin việc cho bị hại, đã được kết luận giám định về chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị X. Do vậy, có đủ căn cứ khẳng định: Tháng 6 năm 2014, Nguyễn Thị X đã đưa ra thông tin gian dối với anh Điều Văn M và anh Lò Văn T là X có khả năng nhờ người xin việc vào công an. Ngày 29/6/2014, X nhận của anh Lò Văn T số tiền 300.000.000 đồng để xin việc tuyển vào công tác tại Công an tỉnh cho anh T, sau đó sử dụng số tiền đã nhận để chi tiêu. Sau khi không thấy được tuyển dụng, anh T nhiều lần đòi Nguyễn Thị X trả lại tiền, trong các năm 2016, 2017, 2018, Nguyễn Thị X đã trả cho anh T tổng số tiền 72.500.000 đồng. Ngày 15/5/2019, anh Lò Văn T làm đơn tố cáo yêu cầu làm rõ hành vi của X về việc chiếm đoạt số tiền còn lại 227.500.000 đồng. Xét hành vi của Nguyễn Thị X đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm sở hữu tài sản của người khác. Cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo khai báo nhận tội, ăn năn hối cải, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về hình phạt bổ sung - phạt tiền: Xét điều kiện kinh tế của bị cáo không có tài sản, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường cho anh Lò Văn T số tiền 227.500.000 đồng.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt Nguyễn Thị X 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày vào trại chấp hành hình phạt.

Không áp dụng hình phạt bổ sung – phạt tiền đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc Nguyễn Thị X bồi thường cho bị hại Lò Văn T số tiền 227.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 11.375.000 đồng. Tổng cộng là: 11.575.000 đồng (Mười một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh